

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2019/DS-PT.

Ngày: 07-11-2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân và bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc: Ông Nguyễn Chí Hiếu
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H; địa chỉ: Xã O, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị X; địa chỉ: Xã N, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (ông T vắng mặt, bà X có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Quốc T1; địa chỉ: Xã O, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (Vắng mặt);

4. Người kháng cáo: Bà Bùi Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:**

Tôi bán cám cho vợ chồng ông T, bà X từ ngày 08/8/2015 (Âm lịch), khi nhận đầu tư cám cho vợ chồng ông T, bà X giữa chúng tôi không lập hợp đồng với nhau, hai bên chỉ thỏa thuận khi tôi chở cám bán cho nhà ông T, bà X thì tôi ghi sổ và ông T, bà X có trách nhiệm trả hết số tiền mua cám cho tôi. Sau này khi việc mua bán cám thuận lợi thì tôi có cho ông T, bà X nợ lại tiền mua cám, đến đợt bỏ cám sau sẽ thanh toán hết số tiền mua cám nợ đợt trước. Tuy nhiên nhiều lần tôi bán cám cho ông T, bà X và bà X nợ lại nhiều lần, nên tôi ghi sổ, đối với những đơn mua cám bà X không trả tiền mặt trực tiếp thì chúng tôi thỏa thuận sẽ cộng vào mỗi bao cám với giá 10.000 đồng/01 bao, số tiền cộng thêm này ghi chốt ở mỗi đơn hàng và ghi trong sổ nhận cám của tôi, việc cộng thêm tiền đầu tư này đã thỏa thuận giữa tôi với bà X và bà X cũng đồng ý khi không thanh toán được tiền mặt mà nợ lại số tiền bán cám thì sẽ cộng thêm tiền đầu tư vào. Đến ngày 20/8/2017 (Âm lịch) thì chúng tôi không mua bán cám với nhau nữa, bà X có ra nhà tôi chốt lại công nợ, sau khi cộng lại sổ công nợ, thì ông T, bà X còn nợ tôi số tiền mua cám chưa trả 150.885.000 đồng (đã cộng cả tiền đầu tư), hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/01 tháng, bà X có thỏa thuận với tôi thời gian trả nợ là vào mùa thu hoạch cà phê năm 2017. Việc thỏa thuận trả nợ này chỉ nói miệng với nhau chứ không ghi vào trong giấy tờ. Vào ngày 30/12/2017 (Âm lịch), tôi có vào nhà ông T, bà X đòi tiền, sau khi cãi nhau về chuyện nợ nần, bà X có trả cho chồng tôi là ông Đặng Quốc T1 10.000.000 đồng tiền nợ gốc, số tiền này do ông T1 ký nhận vào giấy viết tay với bà X. Giấy trả tiền hiện nay ông T, bà X đang giữ, tôi không giữ giấy tờ này. Số nợ còn lại ông T, bà X hẹn đến tháng 4 năm 2018 (Dương lịch) sẽ trả cho tôi. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông T, bà X không trả nợ cho tôi như đã cam kết, tôi đã nhiều lần đến đòi tiền nhưng ông T, bà X không chịu trả nợ nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà X phải trả số nợ gốc là 147.423.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh như sau: Từ ngày 20/8/2017 (Âm lịch) tính đến 30/12/2017 (Âm lịch) là $(150.885.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 4 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 6.538.000 \text{ đồng})$ cộng cả tiền gốc là 157.423.000 đồng. Sau đó, tính đến ngày 30/12/2017 (Âm lịch) tức ngày 15/02/2018 (Dương lịch) bà X trả được cho tôi 10.000.000 đồng còn lại là 147.423.000, lãi suất được tính với mức 1%/tháng từ ngày 16/02/2018 (Dương lịch) cho đến ngày khởi kiện là ngày 12/12/2018 (Dương lịch).

*** Bị đơn bà Bùi Thị X trình bày:**

Việc mua bán cám giữa tôi và bà H diễn ra từ năm 2015 cho đến năm 2017, mỗi lần giao cám cho tôi bà H đã cộng 10.000 đồng vào một bao và thỏa thuận với tôi đó là tiền đầu tư cám. Nay bà H lại tính lãi 1%/ 01 tháng đối với số tiền tôi chưa thanh toán cho bà H, tôi không đồng ý. Tôi thừa nhận tôi vẫn còn nợ bà H tiền mua cám. Tuy nhiên, tôi chỉ còn nợ số tiền 106.151.000 đồng là số tiền mua cám chưa thanh toán theo như các hóa đơn tôi còn lưu giữ và đã giao nộp

cho Tòa án. Sau đó, tôi đã trả cho bà H 10.000.000 đồng (nợ gốc) vào ngày 30/12/2017 (Âm lịch) và 40.000.000 đồng vào tháng 5/2018 (Dương lịch), số tiền tôi còn nợ bà H là 56.151.000 đồng.

Việc tôi ký vào giấy tờ của bà H thừa nhận còn nợ 150.885.000 đồng là do bà H đưa người vào ép tôi ký vào trong giấy, việc tính toán nợ nần do một mình bà H tính toán, tôi không biết bà H tính toán như thế nào, vì trong tình thế bị ép buộc nên tôi không còn cách nào khác đành ký vào giấy ngày 20/8/2017. Vào thời điểm tôi ký vào giấy nợ 150.885.000 đồng tinh thần và sức khỏe tôi bình thường, không bị đánh đập, đe dọa. Tôi chỉ đồng ý trả tiền mua cám và tiền đầu tư (10.000đồng/1 bao cám) cho bà H sau khi đủ 120 ngày kể từ ngày cấp cám đến ngày cắt cám như 2 bên đã thỏa thuận.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Văn T trình bày:***

Tôi chỉ biết gia đình tôi có nhận đầu tư cám của gia đình bà H, còn việc thỏa thuận giá cả như thế nào, tiền mua cám ra sao, còn nợ bao nhiêu, đã trả bao nhiêu tiền tôi hoàn toàn không biết, vợ tôi hoàn toàn phụ trách việc này, chỉ có ngày 30/12/2017 (Âm lịch) tôi có chứng kiến việc bà H đưa con đồ vào trong nhà tôi đòi tiền. Sau khi đòi tiền không được, bà H có gọi chồng bà H dẫn thêm 30 người vào trong nhà tôi đòi lấy tài sản. Sau đó, tôi có chứng kiến việc bà X trả cho chồng bà H số tiền 10.000.000 đồng, còn việc còn nợ bao nhiêu tiền, trả được bao nhiêu tôi không biết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Quốc T1 trình bày:***

Vào chiều ngày 30/12/2017 (Âm lịch), ông T1 có chở vợ là bà Hoàng Thị H vào nhà ông Bùi Văn T bà Bùi Thị X để đòi tiền nợ cám nhưng gia đình bà X không muốn trả. Vợ chồng ông T1, bà H ngồi đợi từ 05 giờ 30 phút chiều đến 11 giờ 30 phút tối cùng ngày 30/12/2017 thì vợ chồng ông T, bà X đồng ý trả 10.000.000 đồng và hẹn bà H đến ngày 18/4/2018 (Âm lịch) sẽ trả đủ số tiền còn nợ. Ông T1 có viết giấy nhận 10.000.000 đồng và ký nhận. Ngoài ra, ông khai việc mua bán cám giữa vợ là bà Hoàng Thị H với bị đơn bà Bùi Thị X, ông Bùi Văn T thì ông không biết, vào ngày 30/12/2017 do sức khỏe bà H yếu nên ông mới chở bà H đi lấy tiền, việc mua bán cám giữa bà H với bà X ông không liên quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 15/2019/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 195, Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430; khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H.

Buộc bà Bùi Thị X, ông Bùi Văn T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền nợ gốc là 140.885.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) và lãi suất 20.297.768 đồng (Hai mươi triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả, kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Hoàng Thị H phải chịu 326.900đ (Ba trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 4.126.950đ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004758 ngày 12/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Bà H còn được nhận lại 3.800.050đ (Ba triệu tám trăm nghìn không trăm năm mươi đồng).

Bà Bùi Thị X, ông Bùi Văn T phải chịu 8.059.138 đồng (Tám triệu không trăm năm mươi chín nghìn một trăm ba mươi tám đồng) (Tính theo mức: $161.182.768 \text{ đồng} \times 5\% = 8.059.138 \text{ đồng}$).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2019, bị đơn bà Bùi Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn bà Bùi Thị X giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị X; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 13/8/2019, của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị X nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị X Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Bùi Thị X, ông Bùi Văn T và bà Hoàng Thị H thừa nhận có quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau từ ngày 08/8/2015 đến ngày 20/8/2017 và thỏa thuận với nhau về việc giao cám, trả tiền. Theo đó bên mua không thanh toán tiền mặt mà nợ lại thì sẽ cộng 10.000đ/01 bao cám. Việc thỏa thuận mua bán không lập thành hợp đồng mà thỏa thuận với nhau bằng miệng. Đến ngày 20/8/2017 âm lịch, tức ngày 09/10/2017 dương lịch các bên chốt công nợ thì bà Bùi Thị X còn nợ lại số tiền 150.885.000 đồng, bà X xác định chữ ký trong giấy xác nhận nợ là của bà. Như vậy, giấy xác nhận nợ ngày 20/8/2017 về số tiền nợ 150.885.000 đồng được các bên tự nguyện xác lập trên cơ sở giao dịch mua bán tài sản, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Sau đó, đến ngày 30/12/2017 âm lịch bà X có trả cho bà H số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại 140.885.000 đồng. Do đó, có căn cứ để khẳng định bà X và ông T còn nợ bà H số tiền mua cám chưa thanh toán là 140.885.000 đồng tiền nợ gốc, bà X và ông T không trả cho bà H số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 430, khoản 3 Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự, buộc bà Bùi Thị X, ông Bùi Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền nợ gốc 140.885.000 đồng tiền mua cám còn nợ là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị X kháng cáo cho rằng bà chỉ nợ bà H số tiền 106.151.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng còn lại số tiền chưa thanh toán là 56.151.000 đồng, giấy nhận nợ ngày 20/8/2017 là do bà H đưa người vào ép bà ký. Tuy nhiên, trong biên bản làm việc và tại phiên tòa bà X khẳng định thời điểm bà ký vào giấy xác nhận nợ thì tinh thần và sức khỏe bình thường, không bị đánh đập hay đe dọa. Bà X cho rằng chỉ còn nợ bà H số tiền 106.151.000 đồng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bà H cũng không thừa nhận việc này. Do đó, lời trình bày của bà X là không có căn cứ.

Xét ý kiến của bà X cho rằng: Bà H đã cộng 10.000đ/01 bao cám nên bà X không đồng ý trả lãi suất chậm trả thì Hội đồng xét xử xét thấy, cả bà H và bà X thừa nhận các bên thỏa thuận khi mua cám không trả tiền mặt thì phải cộng thêm 10.000 đồng/01 bao, việc thỏa thuận cộng tiền đầu tư 10.000đ/01 bao cám là sự tự nguyện của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về lãi suất: Ngày 20/8/2017 bà H và bà X chốt công nợ và thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng bà H khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng và tính lãi kể từ ngày chốt công nợ đến ngày khởi kiện. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm tính lãi suất trên số tiền gốc 150.885.000 đồng kể từ thời điểm chốt nợ (20/8/2017 âm lịch tức ngày 09/10/2017 dương lịch) đến thời điểm bà X trả 10.000.000 đồng (ngày 30/12/2017 âm lịch, tức ngày 15/02/2018 dương lịch) là 150.885.000 đồng x 1%

x 4 tháng 10 ngày = 6.538.000 đồng . Sau đó tính lãi suất trên số nợ gốc còn lại là 140.885.000 đồng từ ngày 30/12/2017 (Âm lịch) tức ngày 15/02/2018 dương lịch đến ngày 12/12/2018 (ngày bà H khởi kiện) là 140.885.000đ x 1%/01 tháng x 09 tháng 23 ngày = 13.759.768 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Bùi Thị X là không có căn cứ để chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

Bản án sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án là chưa đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị X – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 195, Điều 203; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 430; Khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H.

Buộc bà Bùi Thị X, ông Bùi Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền nợ gốc là 140.885.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) và lãi suất 20.297.768 đồng (Hai mươi triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 161.182.768 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu một trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị H phải chịu 326.900đ (Ba trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 4.126.950đ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004758 ngày 12/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Bà H còn được nhận lại 3.800.050đ (Ba triệu tám trăm nghìn không trăm năm mươi đồng).

Bà Bùi Thị X, ông Bùi Văn T phải chịu 8.059.138 đồng (Tám triệu không trăm năm mươi chín nghìn một trăm ba mươi tám đồng) án phí DSST.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013331 ngày 29/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện K;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng